

Số: 251/2024/QĐST-**H**, ngày 26 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 314/2024/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Anh **Trịnh Ngọc D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ thường trú: **SN F N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.**

2. Chị **Đỗ Thị O**, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: **SN F N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi ở hiện nay: **SN C T, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trịnh Ngọc D** và chị **Đỗ Thị O** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh **D**, chị **O** thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Trịnh Ngọc D** và chị **Đỗ Thị O**

[2]. Về nuôi con: Anh **D**, chị **O** có 02 con chung là cháu **T** ngọc **Khánh V**, sinh ngày 27/08/2013 và cháu **Trịnh Ngọc Khánh A**, sinh ngày 07/5/2015. Ly hôn, anh **D**, chị **O** thống nhất giao cháu **Trịnh Ngọc K V** cho anh **Trịnh Ngọc D** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **Trịnh Ngọc Khánh A** cho chị **Đỗ Thị O** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản và công nợ: Anh **D**, chị **O** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh **D**, chị **O** thỏa thuận, chị **O** chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trịnh Ngọc D** và chị **Đỗ Thị O** thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con: Anh **D**, chị **O** có 02 con chung là cháu **T** ngọc **Khánh V**, sinh ngày 27/08/2013 và cháu **Trịnh Ngọc Khánh A**, sinh ngày 07/5/2015. Giao cháu **Trịnh Ngọc K V** cho anh **Trịnh Ngọc D** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **Trịnh Ngọc Khánh A** cho chị **Đỗ Thị O** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh **D**, chị **O** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh **D**, chị **O** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **O** chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001562 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị **O** đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Nam Ngạn, TPTH, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nga